TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 293/2018/HC-PT Ngày: 15-8- 2018 V/v khiếu kiện:Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Hoàng Thanh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấpcao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 539/2017/TLPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2017/HC- ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 388/2018/QĐ- PT ngày 23 tháng 3năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1953 (chết ngày 07/11/2017)

Địa chỉ: Số nhà 50, ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành H:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 06 đường L3, Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

5. Bà Nguyễn Thị Kim Ngũ N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp P1, xã T1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

6. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

7. Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

8. Ông Nguyễn Tài L4, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Ngũ N, ông Nguyễn Thành T2, bà Nguyễn Thị Kim T3 và ông Nguyễn Tài L4 có bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1973 (Hợp đồng ủy quyền ngày 24/7/2018), có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trần Công N1, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L - ông Nguyễn Bá H1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim P2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là ông Trần Minh H2 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 310 Quốc lộ 55 đường V, thị trấn L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A1, huyện L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thành P3, có mặt;

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lâm Văn T4, sinh năm 1954, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà 82, ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ: Ô3, ấp T6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thành H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2005 ông Lâm Văn T4 và ông Nguyễn Thành H tranh chấp quyền sử dụng 249m^2 thuộc một phần các thửa 09, 18 tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa 65, tờ bản đồ 2B) xã A1, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có Sơ đồ vị trí ngày 12/01/2006 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh).

Ngày 20/4/2007 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 909/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T4 và ông H (viết tắt là *Quyết định số 909*), có nội dung không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất 249m^2 đối với ông T4 và ông H. Giữ nguyên hiện trạng phần đất có mồ mả đang tranh chấp.

Ngày 24/4/2016 UBND xã A1 nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt là CNQSD) đất của ông H với 249m^2 đất nói trên.

Ngày 10/6/2016 UBND xã A1 có Công văn số 104/UBND-VP ngày 10/6/2016 (*Công Văn số 104*) trả lời đơn xin cấp giấy CNQSD đất của ông H có nội dung không có cơ sở đề xuất UBND huyện L xem xét cấp giấy CNQSD đất cho ông H đối với 249m^2 đất.

Ông H khiếu nại Công Văn số 104, ngày 05/12/2016 Chủ tịch UBND xã A1 ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông H (viết tắt là *Quyết định số 221*) bác đơn khiếu nại của ông H.

Ông H tiếp tục khiếu nại, ngày 14/4/2017 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 928/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai (viết tắt là *Quyết định số 928*) có nội dung bác đơn khiếu nại của ông H, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 221.

Ngày 27/4/2017 ông H làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số 928. Ngày 30/6/2017 ông H khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 909 và Quyết định số 221, công nhận 249 m^2 đất cho ông H.

Ô*ng Nguyễn Thành H trình bày:*

Nguồn gốc đất 249m^2 là của ông Nguyễn Văn Q (là ông nội của ông H) được chính quyền Chế độ cũ cấp trích lục địa bộ ngày 09/7/1973 là bản photo (bản chính do gia đình ông Lâm Văn T4 giữ) gồm đất ruộng và đất nghĩa địa. Sau đó ông Q để lại cho con là Nguyễn Văn N2 một phần, Nguyễn Văn B một phần. Năm 1975 ông B để lại cho các con gồm ông Nguyễn Thành H, ông Nguyễn Văn T7, Nguyễn Tấn T8 và cháu ruột là ông Nguyễn Văn T5. Khi cho không lập giấy tờ gì chỉ nói bằng miệng. Sau đó các anh em trong thân tộc đã thống nhất giao toàn bộ phần đất của ông B cho ông H sử dụng.

Năm 2002 ông T5 bán lại đất cho ông H, diện tích khoảng 196m^2 (nay thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 02), có lập giấy viết tay ngày 19/4/2002.

Ông H sử dụng đất này từ năm 1975 cho đến nay để làm nhà ở và trồng cây ăn trái, chăn nuôi bò. Năm 2002 ông H xây nhà cấp 4 khoảng 70m^2 là một phần của thửa đất số 09 và thửa 18 để ở ổn định từ đó cho đến nay. Hiện trạng trên đất có 02 mộ, một mộ đã được thân nhân lấy cốt, một mộ ông H tự lấy cốt chuyển đi nơi khác nên hiện nay là đất sạch không phải đất nghĩa địa, xung quanh các hộ đã được cấp giấy CNQSD đất.

Ông H xác định phần 249m^2 này là đất của gia tộc để lại cho ông H sử dụng ổn định cho đến nay, không phải phần của ông T4; do đó, ông T4 cung cấp cho Tòa án tờ trích lục địa bộ ghi năm 1974 đã bị rách, bị tẩy xóa và sửa chữa về diện tích đất để chứng minh đất của ông T4, nên tờ trích lục này là không có giá trị.

Ông H khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 928, Quyết định số 909 và Quyết định số 221, để công nhận 249 m^2 đất cho ông H.

Chủ tịch UBND huyện L trình bày:

Về trình tự thủ tục: Chủ tịch UBND xã A1 và Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định 221 và Quyết định số 928 là đúng quy tại Luật đất đai, Luật khiếu nại.

Về nội dung: Năm 2005 ông T4 và ông H tranh chấp quyền sử dụng đất 249 m^2 nói trên, ngày 20/4/2007 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 909 giải quyết tranh chấp đất đai, có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 249 m^2 thuộc một phần thửa 09, 18 tờ bản đồ số 02 xã A1 đối với ông T4 và ông H, giữ nguyên hiện trạng phần đất có mồ mả đang tranh chấp đồng thời giao diện tích 249 m^2 cho UBND xã A1 quản lý theo Công văn số 5250/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi ban hành Quyết định số 909, ông T4 và ông H không ai khiếu nại nên Quyết định số 909 có hiệu lực pháp luật.

Đến năm 2016 ông H làm đơn xin cấp giấy CNQSD đất đối với 249m^2 đất nêu trên là không có cơ sở, vì 249m^2 đất đã được giải quyết bằng Quyết định số 909. Do đó Quyết định số 221 và Quyết định số 928 về việc giải quyết khiếu nại của ông H có nội dung không chấp nhận yêu cầu cấp giấy CNQSD đất của ông H đối với diện tích 249m^2 là đúng.

Qua rà soát hồ sơ thì 249m^2 đất theo sơ đồ vị trí ngày 12/01/2006 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh thì UBND xã A1 đang quản lý theo Điều 2 của Quyết định số 909, trên đất có mồ mả theo sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác nhận ngày 10/02/2017.

Về quy hoạch phần diện tích 249m^2 (theo sơ đồ vị trí ngày 12/01/2006 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh) theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011- 2020 và Bản đồ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã A1 thì phần đất trên có một phần là đất giao thông (50m^2) và một phần là đất ở (199m^2).

Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn của người khởi kiện.

Chủ tịch UBND xã A1 trình bày:

Tại thời điểm giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T4 và ông H, ông H cung cấp chứng cứ là tờ trích lục địa bộ do chế độ cũ cấp nhưng ông H không chứng minh được phần đất trong trích lục địa bộ có phần đất thổ mộ. Ngoài ra không cung cấp thêm chứng cứ nào khác, nên UBND xã không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông H. Đất trên đã được giải quyết bằng Quyết định số 909 có hiệu lực pháp luật, nên không có căn cứ làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Chủ tịch UBND xã A1 giữ nguyên Quyết định số 221, đề nghị Tòa án bác đơn của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lâm Văn T4 trình bày:

Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn N2(là cha) để lại cho ông T4 vào năm 1974 theo tờ trích lục địa bộ lập năm 1974. Diện tích đất này có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Q(là ông nội của ông T4) là đất ruộng, nhưng có gò để sau này chôn cất ông bà, con cháu nên là đất mồ mả không bán, không được chia. Hiện nay trên đất còn 12 cái mộ, trong đó có 02 cái mộ là của em ruột của ông T4. Vì ông H cất nhà trên một nửa diện tích đất của ông T4 nên hai bên xảy ra tranh chấp và đã được Chủ tịch UBND huyện giải quyết tranh chấp bằng Quyết định số 909. Ông T4 yêu cầu công nhận cho ông T4 phần đất 249m^2 để ông T4 làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn T5 trình bày:

Năm 2000 ông T5 bán cho ông H khoảng 100m^2 đất, trên đất có 01 ngôi mộ nhưng đã được thân nhân lấy cốt đi rồi. Ông T5 không biết đo đạc lại diện tích trên là bao nhiêu thuộc số tờ số thửa nào. Ông H khởi kiện, ông T5 không có ý kiến và không liên quan gì về phần đất đã bán cho ông H.

Tại Bản án hành chính số 48/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàuđã quyết định:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành H yêu cầu hủy các Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L; Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1, huyện L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/10/2017, ông Nguyễn Thành H kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 07/11/2017, ông Nguyễn Thành H chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hgồm có: Bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Nguyễn Thị

Kim L2, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Ngũ N, ông Nguyễn Thành T2, bà Nguyễn Thị Kim T3 và ông Nguyễn Tài L4.

Bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim Ngũ N, ông Nguyễn Thành T2, bà Nguyễn Thị Kim T3 và ông Nguyễn Tài L4 cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L2 đại diện tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2 đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm, hủy các Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L; Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1, huyện L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:Ông Trần Công N1, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu trình bày: Giữ nguyên kháng cáo của ông H. Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1, huyện L và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L không đúng thẩm quyền, không đúng quy định pháp luật.Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1, huyện L ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 là sai thẩm quyền theo quy định tại Điều 105 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 37 Nghị định 43 vì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Nguồn gốc đất là của ông Q(ông nội của ông H). Gia đình ông H quản lý đất cho đến nay và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do nêu trong Quyết định 909 hiện không còn vì trên đất không còn mồ mã theo biên bản ngày 29/11/2016, ông H có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất của gia tộc có nguồn gốc rõ ràng, không có tranh chấp với gia tộc khác, có giấy tờ, phù hợp quy hoạch nhà ở hiện nay nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H là con cháu của ông Q. Đất của ông Q có bằng khoán. Công văn số 104, Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1 và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L không đúng pháp luật về thẩm quyền và nội dung giải quyết. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1 và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là ông Trần Minh H2 trình bày: Tại biên bản xác minh ngày 12/01/2017 thì hiện trạng đất trống, không có nhà ở, trên đất có hai ngôi mộ. Thẩm quyền ban hành Quyết định là đúng theo Luật khiếu nại. Ngày 10/6/2016 UBND xã A1 có Công văn số 104/UBND-VP ngày 10/6/2016 (*Công Văn số 104*) trả lời đơn xin cấp giấy CNQSD đất của ông H có nội dung không có cơ sở đề xuất UBND huyện L xem xét cấp giấy CNQSD đất cho ông H đối với 249m^2

đất. Ông H khiếu nại Công Văn số 104, ngày 05/12/2016 Chủ tịch UBND xã A1 ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông H bác đơn khiếu nại của ông H.Ông H tiếp tục khiếu nại, ngày 14/4/2017 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 928/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung bác đơn khiếu nại của ông H, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 221. Về nội dung thì biên bản kiểm tra có hai ngôi mộ. Sổ mục kê ruộng đất năm 1992 và năm 2000 thì thửa đất trên do xã quản lý là đất nghĩa địa. UBND xã A1 quản lý đất nghĩa địa từ trước đến nay. Việc ông Q cho đất cho ông B không có giấy tờ gì chứng minh. Vào năm 2005, tại biên bản xác minh, ông H thừa nhận đất có nhiều ngôi mộ và biên bản ngày 08/9/2006 làm việc giữa ông H và ông T4. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A1, huyện L trình bày: Việc ban hành Quyết định số 221 là đúng thẩm quyền theo Luật khiếu nại tố cáo và Thông tư số 07. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Nguyễn Thành H:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Thửa đất 249m^2 ông H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2005 ông H và ông T4 có tranh chấp, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Văn T4 và ông Nguyễn Thành H,không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 249m^2 thuộc một phần thửa 09, 18 tờ bản đồ số 02 xã A1 đối với ông Lâm Văn T4 và ông Nguyễn Thành H, giữ nguyên hiện trạng phần đất có mồ mả đang tranh chấp, đồng thời giao diện tích 249m^2 cho UBND xã A1 quản lý. Ông H không khiếu nại, không khởi kiện. Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 đã có hiệu lực pháp luật. Năm 2016, ông H có đơn xin cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã quản lý từ năm 2007 đến nay. Ông H không có kê khai đăng ký và nộp thuế. UBND xã có Công văn số 104/UBND-VP ngày 10/6/2016 trả lời không có cơ sở đề xuất UBND huyện L xem xét cấp giấy CNQSD đất cho ông H đối với 249m^2 đất. Chủ tịch UBND xã A1 ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 928/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Thành H kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2 đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố

tụng của ông H không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Án sơ thẩm đã xét xử đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*: Ông Nguyễn Thành H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Văn T4 và ông Nguyễn Thành H (Quyết định số 909); Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch UBND xã A1 (Quyết định số 221) và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Quyết định số 928)là Quyết định hành chính quản lý Nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

Ngày 27/4/2017 ông Nguyễn Thành H khởi kiện đối với Quyết định số 928 là còn thời hiệu khởi kiện tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Ngày 30/6/2017 ông H có đơn khởi kiện bổ sung đối với Quyết định số 909 và Quyết định số 221; trong quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông H, UBND xã A1 ban hành Công Văn số 104/UBND-VP ngày 10/6/2016 về việc trả lời đơn xin cấp giấy CNQSD đất của ông Nguyễn Thành H; đây là những quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định số 928 nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính là đúng quy định.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32, khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H, đề nghị sửa án sơ thẩm,hủy các Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L; Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1, huyện L.

[2.1] Về hình thức:

Chủ tịch UBND xã A1 và Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định 221 và Quyết định số 928, Quyết định số 909 và Công văn số 104 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai, Luật khiếu nại.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Năm 2005 ông Lâm Văn T4 và ông Nguyễn Thành H tranh chấp quyền sử dụng diện tích 249m^2 thuộc một phần thửa 09, 18 tờ bản đồ số 02 tại xã A1, đã được Chủ tịch UBND huyện L giải quyết bằng Quyết định số 909 có nội dung:Không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 249m^2 thuộc một phần thửa 09, 18 tờ bản đồ số 02 xã A1 đối với ông Lâm Văn T4 và ông Nguyễn Thành H, giữ nguyên hiện trạng phần đất có mồ mả đang tranh chấp, đồng thời giao diện tích 249m^2 cho UBND xã A1 quản lý và có kế hoạch từng bước quy tập mồ mả chôn cất phân tán trên vào nghĩa trang, nghĩa địa đã được quy hoạch theo nội dung Công văn số 5250/BTNMT-ĐĐ ngày 27/11/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, sau đó đề xuất UBND huyện giao đất cho người có nhu cầu sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng phải xem xét đến nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn Quy.

Ông H và ông T4 không có khiếu nại gì, Quyết định số 909 đã có hiệu lực pháp luật.

Theo Công văn số 5250/BTNMT-ĐĐ ngày 27/11/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: đối với mồ mả trước đây chôn cất phân tán thì UBND các cấp có kế hoạch để từng bước quy tập vào nghĩa trang, nghĩa địa đã được quy hoạch. Trong khi chưa quy tập được thì số mồ mả đó được giữ nguyên hiện trạng nhưng không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H có đơn yêu cầu cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 249 m^2.

[2.2.2] Theo sổ mục kê năm 1992 và năm 2000 diện tích đất 249m^2 thuộc thửa đất số 65 (nay là một phần thửa 09, 18 tờ bản đồ số 02) là đất Nghĩa địa do UBND xã A1 quản lý. Theo ông H thì mồ mả trên đất đã được thân nhân và ông H di dời, tuy nhiên phần Mồ mả trên đất chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoặc cho phép di dời.Quy hoạch hiện nay diện tích 249m^2 có một phần quy hoạch là đất giao thông (50m^2) và một phần là đất ở (199m^2) tại Bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011- 2020 và Bản đồ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã A1.

[2.2.3] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ông H và ông T4 đều không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh diện tích 249m^2 đất có nằm trong phần đất của ông Nguyễn Văn Q được cấp trích lục địa bộ. Hai ông có cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm hai tờ trích lục địa bộ của ông Nguyễn Văn Q tuy nhiên tờ trích lục địa bộ của ông T4 cung cấp là bản chính nhưng bị tẩy xóa, sửa chữa về diện tích, còn tờ trích lục địa bộ do ông H cung cấp là bản photo kèm theo tờ họa đồ vị trí của Trung tâm Công nghệ Thông tin - Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhưng không xác định được vị trí diện tích đất 249m^2. Ông T4 và ông H đều thừa nhận diện tích đất 249m^2 có nguồn gốc là đất có Mồ mả.

Theo xác minh của UBND xã A1 thì hiện nay phần đất trên là vẫn còn Mồ mả chưa được thân nhân lấy cốt và UBND xã A1 vẫn đang quản lý là đất công theo Quyết định số 909.

Quyết định số 909 đang có hiệu lực thi hành nên Chủ tịch UBND xã A1 và Chủ tịch UBND huyện L không cần thiết phải giải quyết khiếu nại của ông H với đơn yêu cầu cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 249m^2, vì sự việc không có tình tiết gì mới.

Căn cứ Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ thì ông H yêu cầu được cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 249m^2 là không có căn cứ; nên cũng không có cơ sở công nhận quyền sử dụng đất cho ông T4. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 221 của Chủ tịch UBND xã A1 và hủy Quyết định số 928 của Chủ tịch UBND huyện L là có căn cứ.

[2.2.4] Công Văn số 104/UBND-VP ngày 10/6/2016 của UBND xã A1 ban hành trả lời đơn xin cấp giấy CNQSD đất của ông Nguyễn Thành H là phù hợp, nên Tòa án cấp sơ thẩm không hủy Công Văn số 104/UBND-VP ngày 10/6/2016 của UBND xã A1 là có căn cứ.

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn Q, hiện nay ông Lâm Văn T4 vẫn còn tranh chấp đối với ông Nguyễn Thanh H. UBND xã A1 chưa quy tập mồ mả chôn cất vào nghĩa trang, nghĩa địa đã được quy hoạch. Do đó, UBND xã A1 không thể xem xét đề xuất UBND huyện L UBND huyện giao đất cho người có nhu cầu sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. UBND xã A1 vẫn đang quản lý phần đất này.

[2.2.5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H là có căn cứ. Ông Nguyễn Thành H kháng cáo và bà L2 đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H tại phiên tòa phúc thẩm không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí: Người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành H yêu cầu hủy các Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L; Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã A1, huyện L.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành H được miễn. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L2 đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003472 ngày 19/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (8);
- NBK (2);
-NLQ (2);
- Lưu (3) 23b (PTHH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương